TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/DS – ST
Ngày 17 – 8 – 2017.
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự
- Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lê Thành Thật;

2. Bà Nguyễn Thùy Dung.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 65/2017/TLST – DS ngày 26 tháng 4 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST – DS ngày 31/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Trung T, sinh năm 1981. Địa chỉ nơi cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Si M, sinh năm 1965. Địa chỉ nơi cư trú: Khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. Người làm chứng: Ông Lê Đ. Địa chỉ nơi cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 11/4/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Trung T trình bày:***

Được sự giới thiệu của ông Lê Đ (Là em ruột của ông Lê Văn Si M), nên ngày 10/8/2016, ông có cho ông Lê Văn Si M vay 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay là 03 ngày, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Ông M ký tên xác nhận nợ vào Giấy nhận nợ (Kiêm hợp đồng vay) cùng ngày 10/8/2016. Ông Đ là em của ông M cũng ký tên với tư cách là người làm chứng. Sau khi nhận tiền vay khoảng 05 ngày, ông M trả cho ông được 75.000.000 đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) và trả lãi là 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thì ngưng cho đến nay. Thời gian qua, ông nhiều lần đến nhà nhắc nhở, yêu cầu ông M thanh toán vốn và lãi, ông M có hứa hẹn nhưng không thực hiện. Nay, ông khởi kiện yêu cầu ông M trả cho ông số tiền vốn còn nợ là 25.000.000 đ và xác định không yêu cầu ông M trả lãi.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu là yêu cầu ông M trả tiền vốn vay còn nợ là 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và xác định không yêu cầu ông M trả lãi phát sinh. Ngoài ra, ông T có Đơn đề ngày 14/8/2017 với nội dung ông không yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng là ông Lê Đ để làm rõ việc ông M vay tiền của ông vì giữa ông M và ông Đ có quan hệ huyết thống nên lời khai của ông Đ sẽ không khách quan.

Ông M vắng mặt không có lý do.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa ông Lê Trung T và ông Lê Văn Si M là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt trực tiếp và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông M theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông M vẫn không có mặt.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Đối với việc triệu tập người làm chứng là ông Lê Đ theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án cũng đã thực hiện tống đạt các giấy triệu tập theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng vẫn không có mặt. Đồng thời, nguyên đơn xác định rút lại yêu cầu triệu tập người làm chứng. Xét thấy, việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính Giấy nhận nợ (Kiêm hợp đồng vay) ngày 10/8/2016. Nội dung Giấy nhận nợ (Kiêm hợp đồng vay) ngày 10/8/2016 thể hiện, ông M có nhận của ông T số tiền là 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng). Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, thời hạn vay là 03 ngày.

[5] Quá trình giải quyết, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo về thời gian Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M vẫn không có mặt để trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của ông T cũng như không có ý kiến đối với chứng cứ là Giấy nhận nợ (Kiêm hợp đồng vay) ngày 10/8/2016 mà Tòa án đã thông báo cho bị đơn bằng Thông báo số 51/2017/TB – TA, ngày 28/6/2017 về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Như vậy, ông M đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định tại các Điều 70, Điều 72. Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào lời khai và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[6] Xét thấy, giữa ông T và ông M đã xác lập giao dịch dân sự là quan hệ hợp đồng vay tài sản thông qua Giấy nhận nợ (Kiêm hợp đồng vay) ngày 10/8/2016. Do thời điểm các bên xác lập quan hệ hợp đồng, Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 471, 473, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để xem xét giải quyết.

[7] Ông T trình bày, sau khi nhận đủ tiền vay và hết thời hạn thỏa thuận ông M có trả vốn cho ông được 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) và trả lãi là 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thì ngưng. Ông T nhiều lần yêu cầu ông M trả phần vốn vay còn lại là 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng), ông M có hứa hẹn nhưng không thực hiện do đó ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, ông M đã

vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Nguyên đơn xác định, quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông M có trả lãi được 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thì ngưng và xác định không yêu cầu ông M tiếp tục trả lãi phát sinh. Do sự tự nguyện của ông T không trái với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] ***Về án phí dân sự sơ thẩm*:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Lê Trung T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 682.000 đ (Sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015398 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Ông Lê Văn Si M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 625.000 đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471, Điều 473, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn Si M.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trung T về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Văn Si M trả lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2017 đến ngày 10/4/2017 là 2.250.000 đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trung T.

Buộc ông Lê Văn Si M phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Trung T số tiền là 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Trung T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 682.000 đ (Sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015398 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Ông Lê Văn Si M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 625.000 đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Lê Trung T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê Văn Si M được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.L;
- THADS TP.L;
- Lưu VP, hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Phạm Xuân Khanh